

# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010**



**Công ty Kiểm toán DTL**  
Thành viên Crowe Horwath International

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 23

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là số 0303609986 vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp, Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, "tour cyclo";
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề.
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng; Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà; kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi; San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tạo mẫu; Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn – tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu; Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại; Môi giới hàng hải; Đại lý tàu biển; Đại lý bán vé tàu hỏa; Kinh doanh kho bãi; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa, đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe;
- Dịch vụ bảo vệ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đinh Quang Hiền	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Kim Trung	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đinh Quang Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Hồng Minh	Trưởng ban kiểm soát

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐINH QUANG HIỀN**



Số: 11.116/BCKTHN-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** **Các thành viên Hội đồng quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 23 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**

Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

**BÙI VĂN BÔNG**

Chứng chỉ KTV số 0177/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.968.429.977</b>	<b>58.372.254.801</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>21.998.947.937</b>	<b>23.926.768.426</b>
1. Tiền	111		21.998.947.937	4.526.768.426
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	19.400.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>5.2</b>	<b>35.003.606.134</b>	<b>29.907.456.633</b>
1. Phải thu khách hàng	131		14.913.737.593	13.422.286.802
2. Trả trước cho người bán	132		4.162.016.160	3.004.610.689
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		15.927.852.381	13.480.559.142
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>1.092.007.846</b>	<b>1.071.465.233</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.092.007.846	1.071.465.233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.873.868.060</b>	<b>3.466.564.509</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>5.4</b>	2.611.013.050	807.521.666
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.272.853	537.817.288
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		25.078.802	19.448.580
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>5.5</b>	2.193.503.355	2.101.776.975

(Phần tiếp theo trang 05)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>70.409.606.787</b>	<b>82.108.892.959</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>65.307.698.998</b>	<b>73.130.039.673</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	51.345.789.908	59.168.130.583
+ Nguyên giá	222		67.487.408.506	73.508.900.836
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.141.618.598)	(14.340.770.253)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	13.750.000.000	13.750.000.000
+ Nguyên giá	228		13.750.000.000	13.750.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	211.909.090	211.909.090
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.257.163.112</b>	<b>6.737.163.112</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	2.257.163.112	6.737.163.112
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.844.744.677</b>	<b>2.241.690.174</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		738.835.256	440.236.900
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		304.456.147	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	1.801.453.274	1.801.453.274
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>133.378.036.764</b>	<b>140.481.147.760</b>

(Phần tiếp theo trang 06)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32.617.332.075</b>	<b>49.210.009.178</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.572.811.971</b>	<b>17.568.860.074</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	2.000.000.000	7.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.12	186.490.000	52.680.999
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	1.611.905.570	2.022.609.165
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	3.333.197.928	1.482.681.832
5. Phải trả người lao động	315		1.942.967.355	1.402.411.762
6. Chi phí phải trả	316	5.14	1.522.280.737	1.849.587.864
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	4.975.970.381	3.758.888.452
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.044.520.104</b>	<b>31.641.149.104</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		2.697.054.350	2.308.109.350
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	14.258.486.960	29.258.486.960
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		88.978.794	74.552.794
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>100.760.704.689</b>	<b>91.271.138.582</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>100.760.704.689</b>	<b>91.271.138.582</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(39.567.071)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.178.753	2.052.178.753
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		18.708.525.936	9.258.526.900
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>133.378.036.764</b>	<b>140.481.147.760</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		5.631,91	-
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HUỲNH THANH DIỄM TRANG**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐINH QUANG HIỀN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		90.924.551.271	80.985.414.133
2. Các khoản giảm trừ	02		25.501.404	472.760
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	90.899.049.867	80.984.941.373
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	74.428.049.058	63.559.096.234
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.471.000.809	17.425.845.139
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.322.130.636	2.210.832.404
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.912.824.636	613.970.151
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.842.024.636	556.162.151
8. Chi phí bán hàng	24		371.040.145	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	9.564.948.940	13.615.486.595
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.944.317.724	5.407.220.797
11. Thu nhập khác	31	6.6	12.647.714.547	47.087.078.874
12. Chi phí khác	32	6.7	5.555.294.901	42.595.513.512
13. Lợi nhuận khác	40		7.092.419.646	4.491.565.362
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		13.036.737.370	9.898.786.159
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		3.379.894.481	2.008.681.580
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		(304.456.147)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		9.961.299.036	7.890.104.579
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		9.961.299.036	7.890.104.579
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80		1.245	1.236

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HUỲNH THANH DIỄM TRANG**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐÌNH QUANG HIỀN**



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.036.737.370	9.898.786.159
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		6.125.836.452	2.329.645.062
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(65.337.831)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.663.298.365)	(1.893.167.833)
Chi phí lãi vay	06		2.842.024.636	556.162.151
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>19.275.962.262</b>	<b>10.891.425.539</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.096.337.815)	(9.712.451.264)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20.542.613)	(439.354.208)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		1.667.228.891	(5.106.523.408)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.102.089.740)	1.085.774.379
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.842.024.636)	(556.162.151)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.701.104.637)	(1.390.101.884)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.283.165.000	528.462.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(525.800.000)	(2.572.940.762)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>13.938.456.712</b>	<b>(7.271.871.759)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.179.701.346)	(5.896.542.720)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.004.943.345	1.314.250.525
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		443.190.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.571.370.589	578.917.308
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.839.802.588</b>	<b>(4.003.374.887)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	107.350.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	36.258.486.960
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.000.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(771.417.620)	(6.634.628.982)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.771.417.620)</b>	<b>29.731.207.978</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.993.158.320)</b>	<b>18.455.961.332</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>23.926.768.426</b>	<b>5.508.629.258</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		65.337.831	(37.822.164)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>21.998.947.937</b>	<b>23.926.768.426</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011



ĐINH QUANG HIỀN



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là số 0303609986 vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, "tour cyclo";
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (mô tô và ô tô các loại), đào tạo nghề.
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng; Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà; kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi; San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tạo mẫu; Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn – tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu; Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại; Môi giới hàng hải; Đại lý tàu biển; Đại lý bán vé tàu hỏa; Kinh doanh kho bãi; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa, đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe;
- Dịch vụ bảo vệ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

### 1.4.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Long Vân	01 Đường số 42, Phường 4, Quận 4	100%	100%

## 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## 4. Các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thu đặc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 10 năm.

### 4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

## 4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

## 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

## 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 33 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 24 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn tại địa chỉ 106/781 Nguyễn Kiệm, phường 3, Quận Gò Vấp, Tp.HCM theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1269/SXD ngày 08/09/2003. Theo chế độ tài chính hiện hành tại Việt Nam, giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được trích khấu hao.

#### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế như sau:
  - + Trích quỹ dự phòng tài chính
  - + Trích quỹ khen thưởng
  - + Trích quỹ phúc lợi
  - + Trích quỹ đầu tư phát triển

Tỷ lệ trích các quỹ do Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm, ngoại trừ quỹ dự phòng tài chính được trích theo tỷ lệ quy định tại Điều 49.3 của bảng Điều lệ thành lập Công ty là không quá 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ.

#### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 7 năm kể từ năm 2007 và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo được quy định trong Công văn 227/CT-TTHT ngày 08 tháng 01 năm 2008 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

#### 4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

#### 4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

Khoản mục	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
<b>A. Nợ phải trả</b>		
I. Nợ ngắn hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	74.552.794
II. Nợ dài hạn		
Doanh thu chưa thực hiện	74.552.794	-

#### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

##### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.775.831.780	1.387.298.500
Tiền gửi ngân hàng	20.223.116.157	3.139.469.926
Các khoản tương đương tiền	-	19.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.998.947.937</b>	<b>23.926.768.426</b>

##### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	14.913.737.593	13.422.286.802
Trả trước cho người bán	4.162.016.160	3.004.610.689
Các khoản phải thu khác	15.927.852.381	13.480.559.142
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>35.003.606.134</b>	<b>29.907.456.633</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Đất Việt khoản tiền hỗ trợ, đền bù thiệt hại di dời dự án 99C Phổ Quang	6.284.409.850	-
Công ty TNHH Thép Vinh Đa khoản tiền hỗ trợ, đền bù thiệt hại di dời dự án 99C Phổ Quang	-	10.433.465.270
Công ty CP KD và Phát Triển Nhà An Nghiệp Phát khoản tiền chuyển nhượng dự án Phú Quốc	6.812.225.940	1.887.774.060
CN Công ty CP VC Sài Gòn Tourist tại HN về tiền học phí của học viên	772.671.087	143.521.595
Phải thu của các cá nhân đi XKLD	334.182.343	146.000.000
BHXH, BHYT, BHTN phải thu của tài xế taxi	343.225.818	145.654.240
BHXH, BHTN nộp thừa	70.857.542	36.096.107
Phải thu cho vay hỗ trợ mua xe	-	306.190.001
Pacific Airline về tiền vé máy bay	14.229.570	47.907.570
Trích trước lãi tiền gửi ngân hàng	-	101.500.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	247.264.852	-
Doanh thu chưa thực hiện	658.525.139	-
Phải thu khác	390.260.240	232.450.299
<b>Cộng</b>	<b>15.927.852.381</b>	<b>13.480.559.142</b>
<b>5.3. Hàng tồn kho</b>		
	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	501.548.312	433.553.622
Công cụ, dụng cụ	26.729.553	29.422.345
Hàng hóa	563.729.981	-
Hàng gửi đi bán	-	608.489.266
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>1.092.007.846</b>	<b>1.071.465.233</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>1.092.007.846</b>	<b>1.071.465.233</b>
<b>5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	364.939.146	172.465.223
Chi phí chờ kết chuyển	2.246.073.904	635.056.443
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.611.013.050</b>	<b>807.521.666</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.5. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	1.954.099.955	1.771.453.575
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	239.403.400	330.323.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.193.503.355</b>	<b>2.101.776.975</b>

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	6.500.714	442.644	65.945.953	619.591	73.508.901
Mua trong năm	-	163.830	1.988.220	27.651	2.179.701
Thanh lý, nhượng bán	5.117.149	13.905	3.043.127	-	8.174.181
Giảm khác	-	-	-	27.013	27.013
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.383.565</b>	<b>592.569</b>	<b>64.891.046</b>	<b>620.228</b>	<b>67.487.408</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.509.631	423.404	10.040.475	367.260	14.340.770
Khấu hao trong năm	8.567	34.979	6.007.077	75.213	6.125.836
Thanh lý, nhượng bán	2.434.478	13.905	1.858.065	-	4.306.448
Giảm khác	-	-	-	18.540	18.540
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.083.720</b>	<b>444.478</b>	<b>14.189.488</b>	<b>423.933</b>	<b>16.141.619</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	2.991.083	19.240	55.905.477	252.330	59.168.131
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>299.846</b>	<b>148.091</b>	<b>50.701.558</b>	<b>196.296</b>	<b>51.345.790</b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 23.954.176.867 đồng.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.897.884.385 đồng.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ 106/781 Nguyễn Kiệm, phường 3, Quận Gò Vấp, Tp.HCM theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1269/SXD ngày 08/09/2003. Một phần giá trị của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay.

**5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ các chi phí liên quan đến hạn mục thiết kế bản vẽ thi công phần kiến trúc, kết cấu, hệ thống điện – chiếu sáng, hệ thống chống sét, hệ thống cấp – thoát nước, hệ thống thông tin, hệ thống PCCC, hệ thống điều hòa của dự án: “Trường Đào Tạo Lái Xe và Đào Tạo Nghề” tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, phường 03, Quận Gò Vấp – Tp. HCM theo hợp đồng số 10/09/HĐKT-TAMNHIN.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Đầu tư Giải trí Phước Sang	2.177.147.112	2.177.147.112
Công ty CP Du lịch Sài Gòn Sovico	-	480.000.000
Công ty TNHH Thép Vinh Đa	-	4.000.000.000
Tập đoàn Radius	80.016.000	80.016.000
<b>Cộng</b>	<b>2.257.163.112</b>	<b>6.737.163.112</b>

### 5.10. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ xuất khẩu lao động	1.000.100.000	1.000.100.000
Ký quỹ lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Ký quỹ lữ hành nội địa	51.353.274	51.353.274
Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500.000.000	500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.801.453.274</b>	<b>1.801.453.274</b>

### 5.11. Vay ngắn hạn

Là khoản vay ngắn hạn theo hình thức tín chấp với Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn có thời hạn 12 tháng, lãi vay 0.67%/tháng. Mục đích là đầu tư mua phương tiện vận chuyển - Xem thêm mục 7.

### 5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	186.490.000	52.680.999
Người mua trả tiền trước	1.611.905.570	2.022.609.165
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.798.395.570</b>	<b>2.075.290.164</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

### 5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	176.829.938	47.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.107.945.731	1.429.155.887
Thuế thu nhập cá nhân	212.970	5.269.037
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	48.209.289	48.209.289
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.333.197.928</b>	<b>1.482.681.832</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 5.14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi vay phải trả Tổng Công Ty Du Lịch Sài Gòn	39.789.000	328.300.000
Lệ phí trước bạ và chi phí liên quan mua xe Vios	-	760.249.900
Chi phí đào tạo lái xe	485.888.633	360.855.004
Chi phí dịch vụ lữ hành	173.430.827	127.548.260
Chi phí hoa hồng thuê xe du lịch	72.183.851	71.712.260
Chi phí khai thác dịch vụ du lịch	54.119.362	65.834.227
Chi phí hoa hồng dịch vụ xuất khẩu lao động	189.815.160	-
Chi phí khác	507.053.904	135.088.213
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.522.280.737</b>	<b>1.849.587.864</b>

## 5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	24.852.552	67.048.340
Bảo hiểm xã hội	138.511.427	-
Bảo hiểm y tế	39.601.924	-
Bảo hiểm thất nghiệp	12.631.118	-
Phải trả về cổ phần hóa	139.300.000	139.300.000
Cổ tức năm 2008 chưa chi	2.454.355.130	3.225.772.750
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.166.718.230	326.767.362
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.975.970.381</b>	<b>3.758.888.452</b>

Trong đó khoản phải trả cổ tức năm 2008 cho Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn là 2.000.000.000 đồng – Xem thêm mục 7.

## 5.16. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay ngân hàng để đầu tư mua 100 xe Toyota Vios 1,5 E để phục vụ kinh doanh dịch vụ vận chuyển taxi. Thời hạn vay là 05 năm với lãi suất 14,5%/năm. Tài sản thế chấp gồm: Tài sản hình thành từ hợp đồng vay và một phần giá trị lô đất tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp (bao gồm quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1269/SXD do Sở Xây dựng TP.HCM cấp ngày 08/09/2009).

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.17. Vốn chủ sở hữu**

**5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

ĐVT: ngàn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	40.000.000	3.118.258	12.286.201	55.404.459
Tăng vốn trong năm trước	40.000.000	-	-	40.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	7.890.105	7.890.105
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	(1.066.079)	(11.983.858)	(11.983.858)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>80.000.000</b>	<b>2.052.179</b>	<b>9.258.527</b>	<b>91.310.706</b>
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.961.299	9.961.299
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(511.300)	(511.300)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.000.000</b>	<b>2.052.179</b>	<b>18.708.526</b>	<b>100.760.705</b>

**5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối năm	Đầu năm
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn	23.284.940.000	23.284.940.000
Công ty TNHH Thép Vinh Đa	13.808.640.000	13.808.640.000
Vốn góp của các đối tượng khác	42.906.420.000	42.906.420.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

**5.17.3. Cổ phần**

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

**5.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của Công ty	9.961.299.036	7.890.104.579
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	6.383.579
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>1.245</b>	<b>1.236</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.17.5. Phân phối lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	9.258.526.900	12.286.200.918
Lợi nhuận sau thuế trong năm	9.961.299.036	7.890.104.579
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(259.800.000)	(1.223.475.212)
Chia cổ tức năm 2008	-	(9.435.846.720)
Thù lao HĐQT và BKS	(251.500.000)	(304.290.000)
Tặng khác	-	45.833.335
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>18.708.525.936</b>	<b>9.258.526.900</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.973.361.634	1.042.389.465
Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.951.189.637	79.943.024.668
Chiết khấu thương mại	-	(472.760)
Hàng bán bị trả lại	(25.501.404)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>90.899.049.867</b>	<b>80.984.941.373</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.651.402.479	930.079.524
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	72.776.646.579	62.629.016.710
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.428.049.058</b>	<b>63.559.096.234</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.571.370.589	578.917.308
Lãi phạt quá hạn	643.880.450	1.530.222.578
Lãi tiền góp xe	29.166.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.296.600	101.692.518
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	65.337.831	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.079.166	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.322.130.636</b>	<b>2.210.832.404</b>

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.842.024.636	556.162.151
Tiền lãi ký quỹ tài xế	25.447.000	57.808.000
Lỗ hoạt động đầu tư Sovico	36.810.000	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	8.543.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.912.824.636</b>	<b>613.970.151</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.770.343.076	4.166.692.470
Chi phí đồ dùng văn phòng	177.922.570	525.425.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	184.719.951	140.143.694
Thuế, phí và lệ phí	45.369.361	43.506.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	291.903.748	264.434.453
Chi phí khác bằng tiền	4.094.690.234	8.475.284.291
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.564.948.940</b>	<b>13.615.486.595</b>

**6.6. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	274.863.200	-
Tiền đền bù di dời dự án Phổ Quang	409.409.850	1.500.000.000
Tiền chuyển nhượng dự án Phú Quốc	6.812.225.940	2.187.774.060
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.004.943.345	43.330.069.551
Thu nhập khác	146.272.212	69.235.263
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.647.714.547</b>	<b>47.087.078.874</b>

**6.7. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.876.205.570	42.015.819.026
Chi phí sửa chữa xe	518.887.189	-
Chi phí dự án Phú Quốc	1.004.359.363	550.244.486
Chi phí khác	155.842.779	29.450.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.555.294.901</b>	<b>42.595.513.512</b>

**7. Thông tin về các bên có liên quan**

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	Cổ đồng
2. Công ty TNHH Thép Vinh Đa	Cổ đồng

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn - xem thêm mục 5.11	(2.000.000.000)	(7.000.000.000)
Phải trả khác - xem thêm mục 5.15	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(4.000.000.000)</b>	<b>(9.000.000.000)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN CHUYỀN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		3.030.222.578
Chi phí lãi vay	419.455.667	-
Lãi phạt quá hạn	643.880.450	1.530.222.578

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 8,04%/năm đối với VND. Khoản vay này được bảo đảm và có thời gian hoàn trả cụ thể.

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Lương Tổng Giám đốc	319.382.346	320.326.317
Lương các nhân viên chủ chốt khác	2.436.798.054	2.577.995.662
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.756.180.400</b>	<b>2.898.321.979</b>

## 8. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	2.246.268.090	2.133.683.634

## 9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

## 10. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

## 11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 01 tháng 03 năm 2011.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỲNH THANH DIỄM TRANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH QUANG HIỀN